HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT LIÊN QUAN ĐẾN KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

ThS. Mai Thị Thư* - ThS. Nguyễn Minh Uyên* - ThS. Kiều Thanh Bình**

Bài viết tập trung trình bày các quy định chủ yếu khi lập báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất dưới góc độ các chuẩn mực kế toán quốc tế và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành liên quan đến việc xác định và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con. Trên cơ sở đánh giá một số hạn chế trong các quy định của Việt Nam so với chuẩn mực quốc tế, tác giả đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện việc lập BCTC hợp nhất liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con.

• Từ khóa: *BCTC hợp nhất, chuẩn mực BCTC quốc tế, chuẩn mực kế toán Việt Nam, đầu tư vào công ty con.*

The article focuses on presenting the main regulations when preparing consolidated financial statements from the perspective of international accounting standards and current Vietnamese accounting standards related to the identification and recording of investment in subsidiaries. Based on the assessment of some limitations in Vietnam's regulations compared to international standards, the author makes a number of policy recommendations to improve the preparation of consolidated financial statements related to investment in subsidiaries.

• Key words: *consolidated financial statements, international financial reporting standards, Vietnamese accounting standards, investment in subsidiaries.*

Ngày nhận bài: 08/4/2026
Ngày gửi phản biện: 27/4/2026
Ngày duyệt đăng: 02/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.34

1. Giới thiệu

Mô hình tập đoàn kinh tế hiện nay đã khá phổ biến ở Việt Nam và việc lập BCTC hợp nhất là yêu cầu bắt buộc để có thể cung cấp thông tin một cách tổng hợp và toàn diện nhất về hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quy định và hướng dẫn về phương pháp lập BCTC hợp nhất của Việt Nam liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con trong các chuẩn mực và thông tư được xem là căn cứ hữu ích và quan trong cho các doanh nghiệp ở Việt Nam. Mặc dù các quy định này đã bao quát khá đầy đủ và tiệm cận với các thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế nhưng vẫn còn một số vấn đề cần được xem xét để hướng dẫn rõ ràng hơn hoặc nghiên cứu bổ sung sẽ góp phần hoàn thiện hơn các quy định của Việt Nam liên quan đến việc lập BCTC hợp nhất trong các tập đoàn kinh tế.

2. Cơ sở lý thuyết chủ yếu của kế toán khoản đầu tư vào công ty con theo chuẩn mực quốc tế khi lập báo cáo tài chính hợp nhất *và sự khác biệt với VAS.*

**** Xác định khoản đầu tư vào công ty con:***

Đầu tư vào công ty con là hình thức đầu tư tài chính mà nhà đầu tư có quyền kiểm soát hay chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Theo quy định của IFRS 10 "BCTC hợp nhất" thì quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với các công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp công ty con thông qua một công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong một số trường hợp nhất định thì quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con.

**** Ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con:***

** Học viện Tài chính; email: maithithu@hvtc.edu.vn; nguyenminhuyen@hvtc.edu.vn*
*** Đại học Quốc gia Hà Nội; email: kieuthanhbinh1401@gmail.com*

Khi công ty mẹ lập BCTC riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc theo IFRS 9 "Công cụ tài chính". Trong trường hợp đầu tư vào công ty con dưới hình thức hợp nhất kinh doanh theo quy định của IFRS 3 "Hợp nhất kinh doanh" thì trên BCTC hợp nhất, công ty mẹ phải ghi nhận, tách biệt với lợi thế thương mại, các tài sản mua có thể xác định được, nợ phải trả phải gánh chịu và lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con.

Công ty mẹ sẽ ghi nhận giá trị của các tài sản mua có thể xác định được và nợ phải trả phải gánh chịu theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Đồng thời, đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh, công ty mẹ sẽ ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con theo giá trị hợp lý hoặc phần tương ứng của các cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con.

Sau ghi nhận ban đầu, công ty mẹ sẽ ghi nhận và kế toán đối với các tài sản được mua, nợ phải trả phải gánh chịu hoặc đã phát sinh và các công cụ vốn được phát hành cho hợp nhất kinh doanh phù hợp với các quy định của các chuẩn mực quốc tế có liên quan.

Khi lập BCTC hợp nhất, công ty mẹ phải hợp nhất BCTC riêng của mình và của các công ty con theo quy định. Trong đó cần lưu ý tuân thủ một số nội dung sau liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con:

- Thứ nhất, giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong mỗi công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ.

- Thứ hai, lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lãi hoặc lỗ của công ty con được hợp nhất trong kỳ báo cáo cần được ghi nhận.

- Thứ ba, lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con được hợp nhất cần được trình bày riêng rẽ với lợi ích của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm:

+ Giá trị của cổ đông không kiểm soát tại thời điểm hợp nhất ban đầu được xác định phù hợp với IFSR 3 "Hợp nhất kinh doanh".

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động vốn chủ sở hữu kể từ sau thời điểm hợp nhất.

**** Sự khác biệt giữa VAS và chuẩn mực quốc tế***

Sự khác biệt giữa VAS và chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là IFRS 10 và IFRS 3, phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau trong lập báo cáo tài chính hợp nhất. IFRS nhấn mạnh bản chất kinh tế, quyền kiểm soát thực chất và đo lường theo giá trị hợp lý tại thời điểm kiểm soát, trong khi VAS vẫn thiên về tỷ lệ sở hữu và giá trị ghi sổ. Sự khác biệt này dẫn đến cách xử lý khác nhau đối với lợi thế thương mại và lợi ích cổ đông không kiểm soát. Đặc biệt, trong các cấu trúc sở hữu gián tiếp hoặc nhiều tầng, IFRS có hướng dẫn rõ ràng hơn, còn VAS vẫn còn hạn chế. Điều này làm giảm tính so sánh và khả năng phản ánh đầy đủ giá trị kinh tế của báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thực trạng các quy định chủ yếu của kế toán khoản đầu tư vào công ty con tại Việt Nam

**** Xác định khoản đầu tư vào công ty con:***

Khoản đầu tư vào công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp công ty con qua một công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong một số trường hợp ngoại lệ thì VAS 25 "BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con" quy định quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con tương tự như IFRS 10 "BCTC hợp nhất".

**** Ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con:***

Khoản đầu tư vào công ty con trên BCTC riêng của công ty mẹ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như: chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, phí ngân hàng,...

Trong trường hợp khoản đầu tư vào công ty con thông qua hợp nhất kinh doanh thì theo quy định của VAS 11 "Hợp nhất kinh doanh", công

ty mẹ sẽ xác định giá phí hợp nhất kinh doanh (hay giá gốc khoản đầu tư vào công ty con) theo giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát công ty con, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Khi thoả thuận hợp nhất kinh doanh cho phép điều chỉnh giá phí hợp nhất kinh doanh các sự kiện trong tương lai, công ty mẹ cần phải điều chỉnh vào giá phí hợp nhất kinh doanh tại ngày mua nếu khoản điều chỉnh đó có khả năng chắc chắn xảy ra và giá trị điều chỉnh có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Khi lập BCTC hợp nhất, công ty mẹ cần tiến hành hợp cộng các khoản mục tương đương trên BCTC riêng của công ty mẹ và các công ty con, đồng thời thực hiện các bút toán điều chỉnh, loại trừ cần thiết, trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Giá trị ghi sổ khoản đầu tư và phần vốn của công ty mẹ trong công ty con phải được loại trừ. Bút toán này được thực hiện tại ngày mua và khi lập BCTC hợp nhất các kỳ sau ngày mua.

+ Xác định phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của công ty con và loại trừ khỏi thu nhập của tập đoàn để có thể tính được lãi hoặc lỗ thuần cho các chủ sở hữu công ty mẹ.

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con bị hợp nhất được xác định và trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ.

4. Đánh giá một số hạn chế trong các quy định của Việt Nam

Các quy định hiện hành của Việt Nam về việc lập và trình bày BCTC hợp nhất đối với khoản đầu tư vào công ty con đã khá đầy đủ, rõ ràng và bao quát phần lớn nội dung so với chuẩn mực BCTC quốc tế. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề hạn chế như sau:

- Trên thực tế, cấu trúc của tập đoàn rất phức tạp như công ty mẹ có thể kiểm soát một công ty khác gián tiếp thông qua một công ty trong tập đoàn và khi đó sẽ có sự khác biệt khi thực hiện các bút toán điều chỉnh, loại trừ khi lập BCTC hợp nhất. Trong khi đó, hầu như chưa có những văn bản hướng dẫn đối với việc thực hiện các bút toán hợp nhất cho những khoản đầu tư vào công ty con gián tiếp như vậy

- Một số quy định trong chuẩn mực và thông tư có đưa ra quy định về việc xử lý lãi từ giao dịch mua rẻ (hay bất lợi thương mại) do hợp nhất kinh doanh hình thành quan hệ công ty mẹ - công ty con khi thực hiện bút toán loại trừ khoản đầu tư vào công ty con tại thời điểm lập BCTC hợp nhất nhưng vẫn chưa có những hướng dẫn đầy đủ tại ngày cuối các kỳ kế toán tiếp theo, đặc biệt là sau khi xem xét lại việc xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định, nợ tiềm tàng và xác định giá phí hợp nhất kinh doanh thì lại là lợi thế thương mại.

5. Khuyến nghị chính sách

Trên cơ sở đánh giá đối với các quy định hiện hành của Việt Nam khi lập BCTC hợp nhất, tác giả đưa ra một số khuyến nghị trên một số nội dung sau:

Thứ nhất: Tiệm cận và từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế (IFRS)

Một trong những hạn chế lớn của VAS là vẫn thiên về cách tiếp cận dựa trên giá gốc, trong khi IFRS nhấn mạnh việc đo lường theo giá trị hợp lý tại thời điểm kiểm soát. Sự khác biệt này đặc biệt rõ trong các trường hợp hợp nhất kinh doanh phức tạp.

Vì vậy, Việt Nam cần đẩy mạnh lộ trình áp dụng IFRS theo hướng:

- Tiếp cận phương pháp mua (acquisition method) một cách đầy đủ.

- Áp dụng nguyên tắc xác định giá trị hợp lý đối với tài sản thuần tại ngày kiểm soát.

- Từng bước đồng bộ hệ thống báo cáo tài chính giữa doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Việc tiệm cận IFRS không chỉ nâng cao chất lượng thông tin tài chính mà còn tạo điều kiện

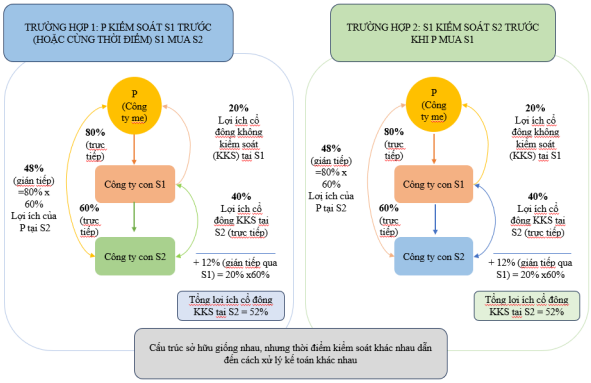
thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc huy động vốn và hội nhập thị trường quốc tế.

Thứ hai: Cần ban hành các hướng dẫn cụ thể để xử lý các bút toán hợp nhất BCTC ở tập đoàn kinh tế có khoản đầu tư vào công ty con gián tiếp thông qua một công ty con khác.

Trong thực tế, cấu trúc sở hữu trong các tập đoàn thường mang tính đa tầng, trong đó công ty mẹ có thể kiểm soát công ty con thông qua một hoặc nhiều công ty trung gian. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể đối với việc xử lý kế toán trong trường hợp sở hữu gián tiếp này.

Để làm rõ, bài viết đưa ra cấu trúc tập đoàn P - S1 - S2 (Hình 1)

Hình 1: Sơ đồ cấu trúc sở hữu tập đoàn P-S1-S2



Thứ ba: Hoàn thiện việc ghi nhận lãi từ giao dịch mua rẻ:

- Trường hợp phát sinh lãi từ giao dịch mua rẻ và sau khi xem xét lại việc xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định, nợ tiềm tàng và xác định giá phí hợp nhất kinh doanh vẫn phát sinh lãi từ giao dịch mua rẻ.

Khi đó lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận ngay vào thu nhập khác trên báo cáo KQKD hợp nhất, bút toán loại trừ khoản đầu tư vào công ty con tại ngày mua (nếu phải lập BCTC hợp nhất) và tại ngày cuối kỳ kế toán sớm nhất như sau:

Nợ các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị dương)

Có Đầu tư vào công ty con

Có Thu nhập khác (lãi từ giao dịch mua rẻ)

Có các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị âm)

Tại ngày cuối các kỳ kế toán tiếp theo, bút toán loại trừ khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Nợ các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị dương)

Có Đầu tư vào công ty con

Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lãi từ giao dịch mua rẻ)

Có các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị âm)

- Trường hợp phát sinh lãi từ giao dịch mua rẻ nhưng sau khi xem xét lại việc xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định, nợ tiềm tàng và xác định giá phí hợp nhất kinh doanh thì lại là lợi thế thương mại:

Khi đó sẽ ghi nhận ngay vào chi phí khác trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, bút toán tại ngày mua và tại ngày cuối kỳ kế toán sớm nhất như sau:

Nợ các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị dương)

Nợ Chi phí khác (sau khi xem xét lại lãi từ giao dịch mua giá rẻ)

Có Đầu tư vào công ty con

Có các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị âm)

Tại ngày cuối các kỳ kế toán tiếp theo:

Nợ các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị dương)

Nợ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Có Đầu tư vào công ty con

Có các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu (nếu giá trị âm)

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2005), Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh, ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2005

Bộ Tài chính (2003), Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con, ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2003

Bộ Tài chính (2014), Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014

IFRS 3 - Business Combinations (2008), truy cập ngày 27 tháng 08 năm 2024, từ http://www.iasplus.com

IFRS 9 - Financial Instruments (2014), truy cập ngày 27 tháng 08 năm 2024, từ http://www.iasplus.com

IFRS 10 - Consolidated Financial Statements (2011), truy cập ngày 27 tháng 08 năm 2024, từ http://www.iasplus.com

Nguyễn Tuấn Anh (2013), Hoàn thiện báo cáo tài chính về các khoản đầu tư tài chính trong các tập đoàn kinh tế Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện, Học viện Tài chính, Hà Nội.